

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST

Ngày 22/05/2019

V/v Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phong;

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tuấn, bà Nguyễn Thị Thích.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G: Bà Nguyễn Thị Lâm, Kiểm sát viên.

Ngày 22/05/2019, tại Tòa án huyện G, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2019/TLST- HNGĐ ngày 04/01/2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/03/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị N, sinh năm 1991; nơi ĐKKHKT: Thôn S, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bắc Ninh, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Huy C, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn S, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bắc Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các bản khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Huy C năm 2009 có tình cảm, tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn G. Những năm đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2016 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C không chịu làm ăn, chơi bời quá mức. Từ tháng 11/2016 đến nay chị và anh C sống ly thân, không còn quan hệ tình cảm, mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải Nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, không thể đoàn tụ xin được ly hôn.

Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Huy Th, sinh ngày 03/09/2010 và cháu Nguyễn Thị Tuyết Nh, sinh ngày 10/12/2014. Cháu Th ở với anh C và bà nội từ nhỏ cho đến nay còn cháu Nh đang ở với chị.

Chị làm nghề tự do, thu nhập bình quân 5 đến 7 triệu đồng/tháng có chỗ ở,

đủ điều kiện để nuôi con; ly hôn chị xin được nuôi con là Nguyễn Thị Tuyết Nh. Quá trình giải quyết vụ án chị có nguyện vọng xin nuôi cả hai con, nhưng sau đó cháu Th trình bày là cháu có nguyện vọng ở với anh C, cháu Th ở với anh C và gia đình bà nội từ nhỏ cho đến nay, nên chị đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo nguyện vọng của cháu Th và chị cũng đồng ý để anh C nuôi cháu Th. Nếu mỗi người nuôi 01 con thì chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản khai, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa anh Nguyễn Huy C trình bày: Anh thừa nhận thời gian và điều kiện kết hôn như chị N khai. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2016 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống và làm ăn không hợp nhau, mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Đến tháng 10/2016 vợ chồng sống ly thân. Chị N có đơn xin ly hôn anh không đồng ý vì tình cảm vợ chồng vẫn còn, nhưng anh cũng không có biện pháp nào để vợ chồng đoàn tụ.

Vợ chồng có 02 con chung như chị N khai là đúng; ly hôn chị N xin nuôi cả hai con và yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con anh đồng ý. Hiện anh làm nghề sản xuất đậu phụ thu nhập bình quân 10 triệu đồng/tháng.

Tài sản và công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập anh C hợp lệ nhiều lần, nhưng cho đến phiên tòa anh vẫn vắng mặt và theo bà Đào Thị T là mẹ anh C trình bày bà đã nhận giấy triệu tập và văn bản tố tụng của Tòa án giao cho anh C và bà đã giao cho anh C, nhưng anh C không đến Tòa án; cháu Th hiện ở cùng với bà và anh C từ nhỏ cho đến nay; nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì bà đề nghị giữ nguyên như hiện nay là cho cháu Th được tiếp tục ở với bà và anh C, gia đình bà đủ điều kiện để nuôi cháu tốt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật. Bị đơn vắng mặt, nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đến phiên tòa vắng mặt không lý do; Do vậy Hội đồng xét xử đã xét xử vắng mặt anh C là đúng pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Xứ chị Trần Thị N được ly hôn anh Nguyễn Huy C. Giao con chung là cháu Nguyễn Huy Th cho anh Nguyễn Huy C nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Thị Tuyết Nh cho chị Trần Thị N nuôi dưỡng.

2. Cấp dưỡng nuôi con, tài sản và công nợ không xem xét giải quyết. Chị N phải chịu án phí theo luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Huy C kết hôn đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật, nên xác định quan hệ hôn nhân này là hợp pháp. Chị N trình bày quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh Nhiều mâu thuẫn, đã được gia đình hai bên hòa giải Nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng sống ly thân Nhiều năm. Anh C thừa nhận là vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng anh cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên anh không đồng ý ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải khuyên vợ chồng đoàn tụ, nhưng không có kết quả. Hội đồng xét xử xét thấy anh C cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn, không đồng ý ly hôn, nhưng anh không đưa ra được biện pháp nào để vợ chồng đoàn tụ, vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 đến nay thời gian đã 03 năm, anh cũng không thuyết phục được chị N, để vợ chồng về chung sống; qua đó thể hiện mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N xin ly hôn là có căn cứ chấp nhận. Nên xử cho ly hôn là phù hợp thực tế và đúng pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị N xin được nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Nhưng tại phiên tòa chị đề nghị Tòa án chấp nhận đề nghị của cháu Th và chị cũng đồng ý để cháu Th ở với anh C. Ly hôn chị xin được nuôi cháu Tuyết Nh. Quá trình giải quyết vụ án anh C trình bày nhất trí giao cả hai con chung cho chị N nuôi dưỡng. Tại phiên tòa anh C vắng mặt và không có ý kiến trình bày gì khác. Tuy Nhiên, xét anh C có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Nguyên vọng của gia đình anh C (mẹ anh C) cũng muốn nuôi cháu Th, cháu Th có nguyện vọng muốn ở với bố và bà nội; hơn nữa cháu Th ở với anh C và bà nội từ nhỏ cho đến nay, hiện cháu đang sinh sống, học tập ở quê nhà anh C. Do vậy, để tránh xáo trộn cuộc sống không cần thiết, nên giữ nguyên hiện trạng là giao cháu Th cho anh Nguyễn Huy C nuôi dưỡng là phù hợp thực tế và pháp luật. Cháu Tuyết Nh đang ở cùng chị Trần Thị N, chị N cũng đủ điều kiện để nuôi con và chị cũng xin được nuôi cháu Nh nên giao cháu Tuyết Nh cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Cấp dưỡng nuôi

con, mỗi người nuôi 01 con và các đương sự không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Tài sản chung và công nợ các đương sự không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 91, 144, 147, 235, 248, 249, 260, 261, 262, 264, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị N được ly hôn anh Nguyễn Huy C.

Con chung: Giao cháu Nguyễn Huy Th, sinh ngày 03/9/2010 cho anh Nguyễn Huy C trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Thị Tuyết Nh, sinh ngày 10/12/2014 cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con, tài sản và công nợ không xem xét giải quyết.

Chị Trần Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015/0001494 ngày 04/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Bắc Ninh;
- VKS và THADS huyện G;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đăng Phong